TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy D., sinh năm: 1991; HKTT: Đội 3, thôn P.T, xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện tại: Số 646 T.Q.P, phường H.N, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn Q., sinh năm: 1989; Đội 3, thôn P.T, xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. (Hiện anh Q. đang ở Đài Loan).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Vũ Gia B., sinh ngày: 18/2/2016;

Chỗ ở hiện tại: Số 646 T.Q.P, phường H.N, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu Vũ Gia B.: Chị Nguyễn Thùy D. và anh Vũ Văn Q. (là bố mẹ đẻ của cháu B.).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn S., sinh năm 1965;

Chỗ ở hiện tại: Số 646 T.Q.P, phường H.N, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

4.2. Ông Vũ Văn Th., sinh năm 1958;

Chỗ ở hiện tại: Đội 3, thôn P.T, xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn

chị Nguyễn Thùy D. trình bày:

Chị và anh Q. có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tiến tới hôn nhân. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P.C, thành phố H.Y vào ngày 05/12/2014. Sau khi được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, chị về sống cùng gia đình nhà chồng tại đội 3, thôn P.T, xã P.C, thành phố H.Y. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và trong sinh hoạt giữa chị và gia đình nhà chồng. Anh Q. không dung hòa được hai bên nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên chị quyết định dẫn theo con về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống từ thời điểm tháng 2 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tháng 7/2018, anh Q. tự ý đi lao động tại Đài Loan không thông báo cho chị biết. Kể từ khi đi nước ngoài lao động cho đến nay, anh Q. chưa về Việt Nam lần nào và cũng không gửi tiền về để chị nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình. Đến nay chị xác định vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. để hai bên tạo dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016. Từ khi sinh ra cháu B. chỉ sống với chị, anh Q. không có trách nhiệm gì với con. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có việc làm ổn định, thu nhập của chị khoảng từ 07 đến 10 triệu đồng. Hiện mẹ con chị đang sống cùng ông bà ngoại của cháu B. tại số nhà 646 đường T.Q.P, phường H.N, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Bố mẹ chị có nhà ở cố định và luôn hỗ trợ, tạo điều kiện cho chị về mọi mặt để chăm sóc cháu B. phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung, nợ nần, đất nông nghiệp, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chúng tôi không có tài sản chung, không nợ nần gì ai, không có đất nông nghiệp, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Q. trình bày lời khai qua Zalo có sự chứng kiến của ông Vũ Văn Th. (bố đẻ):

Hiện tại anh đang làm việc tại Đài Loan, công việc rất bận và địa lý xa xôi nên không thể xin xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam tại Đài Loan để gửi văn bản trình bày quan điểm của mình về việc chị D. xin ly hôn cho Tòa án được. Đối với các văn bản của Tòa án gửi cho anh thông qua gia đình, anh đều được gia đình thông báo lại cho biết nội dung của các văn bản này.

Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau cũng như về mâu thuẫn vợ chồng và con chung, anh Q. trình bày thống nhất với chị D.. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị D. đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 2 năm 2018 cho đến nay. Tháng 7/2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh Q. xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên nhất trí ly hôn với chị D..

Đối với con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016. Anh Q. nhất trí để chị D. tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D..

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ nần gì ai, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không về Việt Nam tham gia tố tụng được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh Q. ủy quyền cho bố đẻ là ông Vũ Văn Th. nhận thay các văn bản của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Gia B. trình bày: Cháu là con của mẹ D., bố Q.. Bố cháu đi nước ngoài từ khi cháu còn bé. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Mẹ và ông bà ngoại cháu chăm sóc cháu rất chu đáo. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Do bận học nên cháu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng trình bày:

- *Ông Nguyễn Văn S. (bố đẻ chị D.):* Về việc cưới xin, đăng ký kết hôn như chị D. và anh Q. trình bày. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn xảy ra do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị D. không sống cùng anh Q. nữa mà về nhà ông ở từ tháng 02/2018 đến nay. Gia đình ông đã hòa giải, khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng không được. Đến nay chị D. có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị D.. Anh Q., chị D. có một con chung là cháu Vũ Gia B.. Hiện tại hai mẹ con chị D. đang ở với gia đình ông. Ông và gia đình sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để cháu phát triển. Về tài sản, nợ nần, các vấn đề khác ông không có yêu cầu gì. Ông có quan điểm xin giải quyết vắng mặt.

- *Ông Vũ Văn Th. (bố đẻ anh Q.):* Về điều kiện hoàn cảnh, đăng ký kết hôn như anh chị D. Quang trình bày. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị về nhà ông chung sống. Trong gia đình, chị D. là người quản lý kinh tế. Anh Q. đi làm được đồng nào chị D. thu hết. Có lần anh Q. vì cho bố chị D. vay tiền nên nộp lương cho chị D. thiếu so với các lần khác, chị D. đã tra khảo anh Q.. Vì bố vợ muốn dấu không cho vợ và con gái biết nên anh Q. không dám nói, chỉ nói là

cho bạn vay. Chị D. tra khảo nhiều lần nên cuối cùng anh Q. đã nhắn cho chị D. là "cho bố mày vay". Vì chuyện này nên giữa ông S. và anh Q. xảy ra mâu thuẫn. Anh chị cũng thường xuyên va chạm cãi nhau. Ngoài ra, chị D. có thái độ không đúng mực với vợ chồng ông; cãi tay đôi với mẹ chồng, không có trên dưới, trước sau.

Về việc chị D. xin ly hôn anh Q., ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Vợ chồng anh chị không có tài sản công sức liên quan đến gia đình ông nên ông không có yêu cầu gì. Ông chấp nhận việc anh Q. ủy quyền cho ông nhận thay anh Q. các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên cung cấp:

Anh Vũ Văn Q. và chị Nguyễn Thùy D. đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P.C vào ngày 05/12/2014.

Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016. Về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống, UBND xã không nắm được. Hiện tại cả hai anh chị không cư trú, sinh sống tại xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý có trường hợp Vũ Văn Q., sinh ngày 05/5/1989 tại Hưng Yên; CMND số 033089003723; khai hộ khẩu thường trú tại P.T, P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu số C5571233 để xuất cảnh ngày 29/7/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thuỳ Dung. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Cho chị Nguyễn Thuỳ Dung được ly hôn anh Vũ Văn Q.. Giao

cho chị Nguyễn Thuỳ D. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016 cho đến khi cháu B. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D. không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác không giải quyết. Chị D. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xem xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy D. khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Vũ Văn Q. có hộ khẩu thường trú: Đội 3, thôn P.T, xã P.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Hiện anh Q. đang lao động tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn , bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy D. thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D. và anh Q. tự do tìm hiểu, có đủ điều kiện để kết hôn và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P.C, thành phố H.Y vào ngày 05/12/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống cũng như cách thức xử sự giữa chị D. với anh Q. và giữa chị D. với gia đình anh Q.. Mâu thuẫn giữa hai bên không được giải quyết mà càng ngày càng trầm trọng hơn. Thực tế thì vợ chồng anh chị đã ly thân nhau, chị D. cùng con trai là cháu B. đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; anh Q. đi lao động tại Đài Loan từ năm 2018. Sự tương tác, trao đổi, liên lạc giữa chị D. và anh Q. gần như chấm dứt, cả hai anh chị không còn quan tâm đến nhau.

Chị D. xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Q.. Anh Q. thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn, thừa nhận không còn tình cảm với chị D. nên nhất trí ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D. và anh Q. đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D., xử cho chị D. được ly hôn anh Q. là phù hợp.

[2.2]. Về con chung:

Chị D. và anh Q. có 01 con chung là cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016. Hiện cháu B. đang ở với chị D. và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ phải ly hôn. Chị D. và anh Q. đều có quan điểm giao cháu B. cho chị D. tiếp tục chăm sóc giáo dục.

Xét thấy hiện anh Q. đang ở Đài Loan nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung. Chị D. đang ở Việt Nam, có công việc và thu nhập ổn định, phía ông S. và gia đình cam đoan tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở cho mẹ con chị D.. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu B., chị D. và anh Q. và điều kiện để chăm sóc con chung một cách tốt nhất. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vũ Gia B. cho chị D. tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D. không yêu cầu anh Q. phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị D. và anh Q. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy D..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thùy D. được ly hôn anh Vũ Văn Q..

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Gia B., sinh ngày 18/02/2016 cho chị D. tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D. không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Q. được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của cháu B., chị D. và anh Q. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy D. phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị D. đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 230 ngày 17/03/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị D. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị D. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Q. được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THA tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã P.C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực